**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC**

**PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

### Khái quát về dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

#### Phẩm chất và năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

PC & NL là hai thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách nói chung và là yếu tố nền tảng tạo nên nhân cách của con người. Dạy học và giáo dục phát triển PC, NL là sự “tích lũy” dần dần các biểu hiện, yếu tố của PC & NL người học để chuyển hóa và góp phần hình thành, phát triển nhân cách. GDPT nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận PC, NL người học, từ chỗ quan tâm tới việc HS học được gì đến chỗ quan tâm tới việc HS làm được gì qua việc học. Có thể thấy, dạy học và giáo dục phát triển PC, NL có vai trò quan trọng trong việc *nâng cao chất lượng đào tạo trong GDPT nói riêng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho quốc gia nói chung..*

* + - 1. *Phẩm chất trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

PC là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với NL tạo nên nhân cách con người.

CT GDPT 2018 đã xác định ***các PC chủ yếu*** cần hình thành và phát triển cho HS phổ thông bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm*.*

* + - 1. *Năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ vào các tố chất và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kinh nghiệm, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí, ... thực hiện đạt kết quả các hoạt động trong những điều kiện cụ thể.

CT GDPT 2018 đã xác định mục tiêu hình thành và phát triển cho HS ***các NL cốt lõi*** gồm ***các NL chung*** và ***các NL đặc thù***. NL chung là những NL cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi, làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp. NL đặc thù là những NL được hình thành và phát triển trên cơ sở các NL chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu của một hoạt động như toán học, âm nhạc, mĩ thuật, thể thao...

* + - * 1. ***Các năng lực chung*** được hình thành, phát triển thông qua các môn học và HĐGD: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo;
				2. ***Các năng lực đặc thù*** được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và HĐGD nhất định: NL ngôn ngữ, NL tính toán, NL khoa học, NL công nghệ, NL tin học, NL thẩm mĩ và NL thể chất.

Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung đã được thể hiện rõ trong văn bản CT GDPT 2018. Các yêu cầu cần đạt về NL đặc thù gắn liền với các nội dung dạy học và

giáo dục được quy định trong văn bản chương trình từng môn học, HĐGD (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

#### Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực HS phổ thông chịu sự chi phối của các yếu tố chủ yếu:

* ***Các yếu tố bẩm sinh - di truyền*** của con người được biểu hiện bằng các tố chất sẵn có và NL được biểu hiện bằng những khả năng sẵn có. Quá trình hình thành và phát triển PC, NL có tiền đề từ các yếu tố này. Cụ thể hơn, các khả năng sẵn có nếu được phát hiện kịp thời và giáo dục đúng cách thì NL mới được phát huy. Nếu không đảm bảo như vậy, mầm mống và các tố chất của cá nhân có nguy cơ mai một. Do vậy, sự hình thành và phát triển PC, NL chịu ảnh hưởng của yếu tố tiền đề là bẩm sinh - di truyền nhưng không do yếu tố này quyết định.
* ***Hoàn cảnh sống*** có tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. Sống trong môi trường luôn được vun đắp bằng quan hệ tốt đẹp giữa người với người, cá nhân sẽ có điều kiện hình thành và phát triển PC tốt đẹp. Tuy nhiên, hoàn cảnh sống cũng không có vai trò quyết định đối với việc hình thành và phát triển PC & NL của cá nhân.
* ***Giáo dục*** giữ vai trò *chủ đạo* đối với quá trình hình thành và phát triển PC, NL của cá nhân. Giáo dục sẽ *định hướng* cho sự phát triển PC, NL, phát huy các yếu tố bẩm sinh - di truyền, đồng thời giáo dục cũng khắc phục được một số biểu hiện của PC chưa phù hợp. Tuy vậy, giáo dục không quyết định mức độ phát triển và xu hướng phát triển của mỗi cá nhân.
* PC & NL của cá nhân còn được hình thành và phát triển do cá nhân ***tự học tập và rèn luyện***. Đây là yếu tố có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của con người nói chung và của HS phổ thông nói riêng.

Giáo dục nói chung, giáo dục nhà trường nói riêng có vai trò chủ đạo đối với sự hình thành, phát triển PC & NL; trong đó cần thực hiện khai thác vai trò của chúng thông qua việc tổ chức các hoạt động học. Song song đó, cần quan tâm đến cá nhân mỗi HS, gồm năng khiếu, phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, tiềm lực và nhất là khả năng hiện có, triển vọng phát triển (theo vùng phát triển gần nhất) của mỗi HS… để thiết kế các hoạt động học hiệu quả. Đồng thời, cần chú trọng phát triển NL tự chủ, tự học vì yếu tố “*cá nhân tự học tập và rèn luyện*” đóng vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển PC, NL của mỗi HS. Như vậy, việc tổ chức các hoạt động học của người học phải là trọng điểm của quá trình dạy học, giáo dục để đạt được mục tiêu phát triển PC, NL HS.

#### Dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

* + - 1. *So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển phẩm chất, năng lực*

Dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL có những khác biệt nhất định về mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH, đánh giá … Có thể liệt kê một số khác biệt cụ thể đó ở bảng 1.

*Bảng 1.1. So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Dạy học tiếp cận nội dung** | **Dạy học phát triển PC, NL** |
| **Về mục tiêu dạy học** | * Chú trọng hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ khá rõ.
* Mục tiêu học để thi, học để hiểu biết được ưu tiên.
 | * Chú trọng hình thành PC & NL.
* Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng.
 |
| **Về nội dung dạy học** | * Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu.
* Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình.
* Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của khái niệm, định luật, học thuyết khoa học.
* Sách giáo khoa được trình bày

liền mạch thành hệ thống kiến thức. | * Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt được về PC, NL.
* Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình.
* Chú trọng nhiều hơn đến các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn.
* Sách giáo khoa không trình bày hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức,

kĩ năng. |
| **Về phương pháp dạy học** | * GV chủ yếu là người truyền thụ tri thức; HS lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá nhiều GV sử dụng các PPDH (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan…). Việc sử dụng PPDH theo định hướng của GV là chủ yếu.
* Khá nhiều HS tiếp thu thiếu tính chủ động, HS chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì tri thức thường được quy định sẵn.
* Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH dễ có sự lặp lại, quen thuộc.
 | - GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp… GV sử dụng nhiều PPDH, KTDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá…) phù hợp với yêu cầu cần đạt về PC & NL của người học.- HS chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kĩ năng. |
|  | - Kế hoạch dạy học được thiết kế dựa vào trình độ và NL của HS; PPDH, KTDH đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai kếhoạch dạy học. |
| **Về môi trường học tập** | GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau. | Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của HS, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở HS để đa dạng hóa hình thức bàn ghế, bố tríphương tiện dạy học. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Về đánh giá** | * Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, chưa quan tâm nhiều đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
* Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện.
 | * Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC & NL cần có.
* Người học được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau...
 |
| **Về sản phẩm giáo dục** | * Người học chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và sách giáo khoa có sẵn.
* Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế.
 | * Người học vận dụng được tri thức, kĩ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên NL ứng dụng cũng có cơ hội phát triển.
* Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều nên sự năng động, tự tin ở HS biểu hiện rõ.
 |

* + - 1. *Các nguyên tắc dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực*
1. *Nội dung dạy học, giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại*

Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính cơ bản có nghĩa là nội dung dạy học, giáo dục được chọn lọc bao gồm các nội dung chính, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất mà không tập trung vào các nội dung không chính yếu, không phải bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính thiết thực có nghĩa là nội dung dạy học, giáo dục trong từng môn học, HĐGD cần sát thực, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính hiện đại đòi hỏi nội dung dạy học, giáo dục phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kĩ thuật trong các lĩnh vực trong thời gian gần đây, nhất là việc vận dụng chúng trong thực tiễn.

NL được coi là sự huy động kiến thức, kĩ năng, niềm tin … để HS thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Theo đó, dạy học phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin …) để từ đó họ có thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung dạy học cần được chắt lọc, lựa chọn sao cho thật gọn, đắt. Trong đó, các nội dung kiến thức hàn lâm, giáo điều sẽ gây ra thách thức không cần thiết trong học tập của HS (giảm động cơ học tập, hứng thú, niềm tin, sự đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực …); đồng thời không tạo điều kiện giúp HS tiếp cận, giải thích, giải quyết các đòi hỏi sát sườn của đời sống thực tế. Ngược lại, việc chọn lọc, sử dụng các nội dung cơ bản, trọng tâm sẽ giúp HS có cơ hội và thời gian tập trung phát triển những nền tảng vững chắc cho các NL cốt lõi.

Cùng với đó, việc giúp HS tiếp cận các nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kĩ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển … Đây cũng chính là ý nghĩa quan

trọng bởi nội dung dạy học mà HS sở hữu sẽ được vận dụng thích ứng với bối cảnh hiện đại và không ngừng đổi mới.

1. *Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập*

Tính tích cực của người học được biểu hiện thông qua hứng thú, sự tự giác học tập, khát vọng thông hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập là việc đảm bảo việc tạo ra hứng thú, sự tự giác học tập, khát khao và sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập của người học. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kĩ năng được chuyển hóa thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kĩ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS có NL sẽ khác nhau tùy theo cá nhân huy động chúng vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

1. *Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS*

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên hơn, đồng thời cũng đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS. Thực hành là hoạt động áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kĩ năng ở người học – thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho người học được quan sát, làm thử, làm thử giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát, làm qua và kết quả của nó. Quy trình chung của trải nghiệm tập trung giúp người học hình thành và phát triển các NL chung và các NL đặc thù ứng với từng chủ đề trải nghiệm cụ thể.

Thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm, HS có cơ hội để huy động và vận dụng kiến thức, kĩ năng trong môn học và hoạt động giáo dục để giải quyết các tình huống có thực trong học tập và cuộc sống, từ đó người học hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực. Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, HĐGD phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

1. *Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp*

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải huy động, tổng hợp kiến thức, kĩ năng,… thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung. Thông qua chuỗi hoạt động có liên quan đến chủ đề với những hình thức

khác nhau sẽ góp phần tác động tổng hợp, hình thành PC, NL của người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Để giải quyết hiệu quả những vấn đề trong cuộc sống, kiến thức và kĩ năng của của từng môn học đôi lúc không khả thi mà cần sự hiểu biết phong phú, đa dạng dựa trên yêu cầu của nhiều môn học hoặc nhiều lĩnh vực trong cùng môn học. Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề. Nói khác đi, dạy học, giáo dục tích hợp tạo cơ hội cho HS tiếp cận vấn đề toàn diện, từ đó HS phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết tương ứng.

1. *Tăng cường dạy học, giáo dục phân hóa*

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hóa chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng người học, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hóa đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hóa là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi cá nhân người phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó người học được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân. Cơ sở của dạy học phân hóa là sự công nhận những khác biệt giữa các cá nhân người học như phong cách học tập, các loại hình trí thông minh, nhu cầu và điều kiện học tập… Dạy học phân hóa sẽ giúp HS phát triển tối đa NL của từng HS, đặc biệt là NL đặc thù. Vì thế, nguyên tắc dạy học phân hóa là phân hóa sâu dần qua các cấp học để đảm bảo phù hợp với các biểu hiện hay mức độ biểu hiện của PC, NL hiện có của người học và phát triển ở tầm cao mới sao cho phù hợp.

1. *Kiểm tra, đánh giá theo năng lực, phẩm chất là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực*

Kiểm tra, đánh giá theo NL, PC là không lấy kiểm tra, đánh giá khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể.

Điều kiện tiên quyết là điều kiện cần phải có, phải được giải quyết trước nhất trong dạy học phát triển PC, NL. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và HĐGD ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của CT GDPT 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển PC, NL. Trong chương trình giáo dục phát triển PC, NL, bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định *mức độ tiến bộ* so với chính bản thân HS về NL. Các thông tin về NL người học được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt

các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập

…

* + - 1. *Yêu cầu đối với giáo viên trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực*
1. *GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết*

Tổ chức là sự sắp xếp, bố trí cho thành một chỉnh thể, có một cấu tạo, một cấu trúc và những chức năng chung nhất định. Chuỗi hoạt động học là tập hợp các hoạt động học tập được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Tổ chức chuỗi các hoạt động học tập là việc GV sắp xếp, bố trí các hoạt động học tập theo một trình tự nhất định, phù hợp với mục tiêu bài học. CT GDPT 2018, định hướng các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Trong dạy học và giáo dục phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học của HS để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển PC & NL đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH V/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Các tiêu chí cụ thể được đưa ra có thể đề cập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014):

*Bảng 1.2. Các tiêu chí phân tích hoạt động dạy học của GV*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Tiêu chí** |
| **1. Kế hoạch và** | Mức độ phù hợp của chuỗi *hoạt động học* với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. |
|  |
| **tài liệu dạy học** | Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập.* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Mức độ phù hợp của *thiết bị dạy học và học liệu* được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS. |
| Mức độ hợp lí của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS. |
| **2. Tổ chức hoạt động học cho HS** | Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của phương pháp và hình thức chuyển *giao nhiệm vụ* học tập. |
| Khả năng *theo dõi, quan sát, phát hiện* kịp thời những khó khăn của HS. |
| Mức độ phù hợp, hiệu quả của các *biện pháp hỗ trợ* và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc *tổng hợp, phân tích, đánh giá* kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS. |
| **3. Hoạt động của****HS** | Khả năng *tiếp nhận và sẵn sàng* thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp. |
| Mức độ *tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác* của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ tham gia tích cực của HS trong *trình bày, trao đổi, thảo luận* về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. |
| Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. |

1. *GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp*

GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục biểu hiện ở việc GV tập trung, bỏ nhiều sức lực, thời gian, suy nghĩ … vào việc chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp nhằm đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp*,* KTDH, đặc biệt là các phương pháp, KTDH có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn PPDH phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp. Nói cách khác, việc lựa chọn PPDH cần bám sát vào chuỗi hoạt động và tập trung vào các PPDH có khả năng phát triển PC, NL người học. Cụ thể, trước khi lên lớp, GV cần đầu tư thời gian để thiết kế kế hoạch dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; trong đó cần lựa chọn PPDH, KTDH sao cho phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học. Các PPDH, KTDH cần đảm bảo HS phải là chủ thể của hoạt động học, là người chủ động tìm tòi, khám phá, phát hiện vấn đề. Có thể vận dụng phối hợp linh hoạt PPDH, KTDH theo hướng tìm tòi khám phá, kết hợp với các PPDH và KTDH tích cực, hiện đại có ưu thế trong việc phát triển PC, NL HS. Vì vậy,

trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL, việc lựa chọn PPDH, KTDH và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp là yêu cầu đặc trưng, quan trọng.

1. *GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu*

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu là việc GV lưu tâm đến tầm quan trọng của phương pháp học tập, nghiên cứu ở HS, từ đó hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, HĐGD, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định PC, NL và để cống hiến.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu được giá trị của phương pháp học tập, nghiên cứu và có tâm thế hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu cho HS bao gồm việc giúp cho HS biết **cách xây dựng kế hoạch học tập,** biết cách đọc các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách lắng nghe và ghi chép trên lớp, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới phù hợp trong các môn học và HĐGD; biết quy trình nghiên cứu khoa học… Bên cạnh đó, GV phải tạo cơ hội và môi trường phù hợp để giúp HS rèn luyện, biến những tri thức về phương pháp nêu trên thành NL tự chủ và tự học.

1. *GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác*

GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác là việc GV đầu tư vào việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy - trò và trò - trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung. Bên cạnh đó, GV cũng cần có khả năng tổ chức dạy học hợp tác, đặc biệt là việc thảo luận trong dạy học hợp tác. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học phát triển khả năng của bản thân. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là trong lúc phải giải quyết những vấn đề phức tạp, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Khả năng tổ chức các hoạt động phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác của GV góp phần đáng kể trong việc phát triển NL tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phù hợp cho các hoạt động hợp tác xuyên quốc gia, liên quốc gia trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.

### Xu hướng hiện đại về phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

#### Phương pháp dạy học và giáo dục

PPDH và giáo dục được hiểu là cách thức, con đường hoạt động chung giữa người dạy và người học, trong những điều kiện dạy học, giáo dục xác định, nhằm đạt tới mục tiêu dạy học và giáo dục đã xác định. Tài liệu này quan tâm đến PPDH áp dụng đối với các môn học và hoạt

động giáo dục, theo đó PPDH, giáo dục được định nghĩa là cách thức, là con đường hoạt động chung giữa người dạy và người học, trong những điều kiện dạy học, giáo dục xác định, nhằm đạt tới mục tiêu dạy học, giáo dục.

Có nhiều cách phân loại PPDH. Dựa trên cơ sở nhấn mạnh phương diện lập kế hoạch hành động dài hạn, trung hạn hay ngắn hạn, có thể phân loại PPDH theo ba bình diện là quan điểm dạy học (phương pháp dạy học theo nghĩa rộng), phương pháp dạy học (theo nghĩa hẹp) và KTDH.

*Bảng 1.3. Phân loại PPDH theo ba bình diện của PPDH*

|  |  |
| --- | --- |
| **Ba bình diện của phương pháp dạy học** | **Ví dụ** |
| **Quan điểm dạy học** (PPDH nghĩa rộng) là những định hướng tổng thể cho các hành động, thường dựa trên các lí thuyết học tậphoặc cơ sở lí luận dạy học chuyên ngành. | Dạy học lấy người học làm trung tâm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học khám phá, dạy học hợp tác, dạy học có ứng dụngcông nghệ thông tin và truyền thông… |
| **Phương pháp dạy học** (PPDH nghĩa hẹp) là cách thức hoạt động của GV và HS, trong điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt được mục tiêu dạy học. | Thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận, nghiên cứu trường hợp, đóng vai… |
| **KTDH** là những cách thức hành động của GV và HS trong các tình huống nhỏ nhằm thực hiện và điều chỉnh quá trình dạy học. | Công não, phòng tranh, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, KWLH… |

Trong tài liệu này, PPDH được tiếp cận theo nghĩa chung, bao gồm quan điểm dạy học (PPDH nghĩa rộng), PPDH (PPDH nghĩa hẹp) và cả các KTDH cụ thể để tiến hành PPDH. Đặc biệt, GV phải có sự hiểu biết về nội hàm của KTDH, trong đó lưu tâm đến cách thức sử dụng để từ đó có cơ sở lựa chọn PPDH sao cho hiệu quả. Mỗi PPDH, KTDH đều có đặc điểm, ưu điểm và hạn chế nhất định. Điều quan trọng là cần lựa chọn các PPDH, KTDH phù hợp với khả năng của HS, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu dạy học đã đề ra. Trong dạy học phát triển PC & NL, cần chú trọng khai thác các PPDH, KTDH tích cực, hiện đại cũng chính là các PPDH, KTDH đặc trưng nhằm phát triển PC, NL người học để HS có cơ hội chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, từ đó phát triển các PC & NL cần thiết.

#### Xu hướng hiện đại về phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Ngày nay, dạy học phát triển PC, NL dần trở nên phổ biến trên thế giới với những minh chứng thuyết phục về lợi thế của mình. Dạy học phát triển PC, NL thể hiện sự quan tâm tới việc người học làm được gì sau quá trình đào tạo chứ không thuần túy là chỉ biết được gì; quan tâm tới người dạy sẽ dạy như thế nào để hình thành PC, NL của người học chứ không phải chỉ là dạy nội dung gì cho người học với mong muốn người học biết càng nhiều, càng sâu. Dạy học hiện đại đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, trong đó đặc biệt lưu tâm đến PPDH phát triển PC, NL cho người học dần trở thành một xu hướng hiện đại cần quan tâm.

Xu hướng hiện đại được hiểu là khuynh hướng, chiều hướng mang tính mới, tiên tiến. Xu hướng hiện đại về PP, KTDH phát triển PC, NL được xem xét là chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL. Xu hướng hiện đại về PPDH, KTDH phát triển PC, NL hiện nay dựa trên nền tảng khai thác các PPDH, KTDH tích cực đã áp dụng thành công trong thực tiễn, được sử dụng nhằm phát triển PC, NL của người học một cách tối ưu. Xu hướng hiện đại về PP, KTDH không chỉ áp dụng các PPDH, KTDH hiện đại mà còn khai thác khéo léo, tích cực hóa các ưu điểm của các PPDH, KTDH đã có.

Có thể xác định xu hướng hiện đại về PPDH, KTDH phát triển PC, NL của HS dựa trên những thành tựu ban đầu về việc áp dụng thành công các PPDH, KTDH phát triển PC, NL đáp ứng yêu cầu về mô hình nhân cách của HS hiện nay cũng như nhân cách lí tưởng của HS. Đơn cử như, cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông của chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam nhằm giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại đòi hỏi việc khai thác, vận dụng xu hướng hiện đại về PPDH, KTDH phát triển PC, NL của HS để đạt được kết quả tối ưu. Cũng có thể xem xét *những kĩ năng của thế kỷ 21 được nhiều quốc gia xác nhận: Giao tiếp; Sáng tạo; Tư duy phản biện; Giải quyết vấn đề...* đòi hỏi dạy học, giáo dục phải xem đây là mục tiêu cũng như nội dung để thực thi sao cho đạt kết quả cao nhất. Mặt khác, chính GV cũng phải sở hữu các kĩ năng này cũng như quán triệt trong chuỗi hoạt động học được tổ chức cho HS.

Xu hướng hiện đại về PP, KTDH phát triển PC, NL hiện nay đặt ra các yêu cầu khá đa dạng và phong phú. Tuy vậy, trên bình diện chung, có thể đề cập đến các yêu cầu lựa chọn và sử dụng PP, KTDH phát triển PC, NL sau:

* Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH rèn luyện phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập cho HS như dạy học bằng sơ đồ tư duy, dạy học dựa trên dự án… Các PPDH, KTDH đề cập ở xu hướng này không những góp phần triển khai các hoạt dộng học trong chuỗi hoạt động học hiệu quả mà còn tỏ ra rất có giá trị nhằm phát triển các PC, NL của HS.
* Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở HS như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi… Ở xu hướng sử dụng các PPDH, KTDH phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, đòi hỏi GV phải là người thiết kế, tổ chức thật hiệu quả dựa trên khả năng dự báo, dự đoán hoạt động của HS. Hơn thế nữa, việc tương tác tích cực và hiệu quả với HS là yêu cầu quan trọng ở xu hướng sử dụng các PP, KTDH này bởi những đặc trưng của chúng.
* Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH hình thành và phát triển kĩ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm… Việc phát triển các kĩ năng thực hành, khả năng ứng dụng của HS đòi hỏi GV phải có NL thực tiễn, cũng như NL “sư phạm hóa” môi trường thực tiễn để phát huy khả năng, cảm xúc, hứng thú của HS thông qua đó phát triển PC, NL.
* Lựa chọn, sử dụng các PPDH, KTDH gắn liền với các phương tiện dạy học hiện đại. Xu hướng này phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa PPDH, KTDH và phương tiện dạy học. GV cần phải khai thác các phương tiện dạy học, đặc biệt là các phương tiện hiện đại như các ứng dụng, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông… nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong dạy học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông là xu hướng tỏ ra ưu thế trong dạy học hiện nay cũng như dạy học phát triển PC, NL bởi thông qua công nghệ thông tin và truyền thông, chuỗi hoạt động học diễn ra một cách hữu hiệu. Hơn thế nữa, khi tiếp xúc, khám phá, làm chủ công nghệ thông tin và truyền thông, HS có cơ hội phát triển các NL có liên quan cũng như phát triển các PC để đảm bảo sự thích ứng.

Lựa chọn và sử dụng các PP, KTDH mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL có quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình phát triển PC, NL người học. Do đó, không quan trọng việc các PPDH và KTDH thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các PPDH và KTDH phù hợp với khả năng của HS, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong chuỗi hoạt động học hay kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu phát triển PC, NL đã đề ra.

#### Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực theo xu hướng hiện đại

* + - 1. *Dạy học hợp tác*
1. *Khái niệm*

Dạy học hợp tác là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Dạy học hợp tác có một số đặc điểm sau đây:

**-** *Có hoạt động xây dựng nhóm*: Nhóm thường giới hạn thành viên do GV phân công, trong đó tính đến tỉ lệ cân đối về sức học, giới tính, …; nhóm được xây dựng có thể gắn bó trong nhiều hoạt động và có thể linh hoạt thay đổi theo từng hoạt động.

- *Có sự phụ thuộc (tương tác) lẫn nhau một cách tích cực*: HS hợp tác với nhau trong những nhóm nhỏ. Có thể nói, tương tác (tương tác tự do hay tương tác vì nhiệm vụ học tập) giữa những người học trong khi làm việc cùng nhau là đòi hỏi tất yếu của dạy học hợp tác, có nghĩa là các thành viên trong nhóm không chỉ liên kết với nhau về mặt trách nhiệm mà còn có mối liên hệ tình cảm, đạo đức, lối sống; thành công của cá nhân chỉ mang ý nghĩa góp phần tạo nên sự thành công của nhóm.

* *Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân – trách nhiệm nhóm:* Đây vừa là nguyên nhân vừa là điều kiện của nhóm học tập. Các cá nhân thể hiện trách nhiệm với bản thân và đối với các thành viên của nhóm, cùng hỗ trợ nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra; mỗi cá nhân cần có sự nỗ lực bản thân trong sự ràng buộc trách nhiệm của cá nhân và nhóm.
* *Hình thành và phát triển kĩ năng hợp tác:* HS nhận thức được tầm quan trọng của các kĩ năng học hợp tác. Trong hoạt động học tập hợp tác, HS không chỉ nhằm lĩnh hội nội dung – chương trình môn học, mà quan trọng là được thực hành và thể hiện, củng cố các kĩ năng xã hội (như kĩ năng lắng nghe, kĩ năng đặt câu hỏi – trả lời, kĩ năng sử dụng ngữ điệu khi giao

tiếp, …). Đây là tiêu chí để đánh giá dạy học hợp tác trong nhóm có đạt được hiệu quả hay không.

1. *Cách tiến hành*

Tiến trình dạy học hợp tác có thể chia ra làm 2 giai đoạn.

### Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong giai đoạn này, GV cần thực hiện các công việc chủ yếu:

* Xác định hoạt động cần tổ chức dạy học hợp tác (trong chuỗi hoạt động dạy học) dựa trên mục tiêu, nội dung của bài học.
* Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS… Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.
* Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.
* Thiết kế các phiếu/ hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm, các bài tập củng cố chung hoặc dưới hình thức trò chơi học tập theo nhóm, từ đó tăng cường sự tích cực và hứng thú của HS.

### Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.** GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác.** Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

### Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Thông thường, HS trình bày bằng miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo. Có thể trình bày có minh họa thông qua biểu diễn hoặc mẫu kết quả làm việc nhóm. Kết quả trình bày của các nhóm nên được chia sẻ với các nhóm khác, để các nhóm góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Sau khi HS nhận xét, phản hồi, GV cùng với HS tổng kết các kiến thức cơ bản. Cần tránh tình trạng GV giảng lại toàn bộ vấn đề HS đã trình bày.

1. *Điều kiện sử dụng*

Để tổ chức hoạt động dạy học hợp tác hiệu quả, cần lưu ý một số điều kiện sau:

* Nhiệm vụ học tập cần đủ khó để thực hiện dạy học theo nhóm (không nên tổ chức học tập theo nhóm với nhiệm vụ đơn giản, ít khó khăn) vì nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm trở nên nhàm chán và chỉ mang tính chất hình thức.
* Không gian làm việc cần đảm bảo phù hợp để HS thuận tiện trong việc trao đổi và thảo luận (HS trong nhóm cần nghe và nhìn thấy nhau, đặc biệt là với hình thức thảo luận nhóm).
* Thời gian cũng cần đủ cho các thành viên nhóm thảo luận và trình bày kết quả một cách hiệu quả.

Dạy học hợp tác có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

*Bảng1.4. Bảng mô tả ưu thế của dạy học hợp tác với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PC** | **Nhân ái** | Có ý thức tôn trọng ý kiến của các thành viên trongnhóm khi hợp tác |
| **Trách nhiệm** | Có ý thức hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trongnhóm để hoàn thành nhiệm vụ. |
| **NL chung** | **Tự chủ và tự học** | Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm khi hợp tác, tự quyết định cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, tự đánh giá về quá trình và kếtquả thực hiện nhiệm vụ hợp tác. |
| **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo trong quá trình hợp tác nhằm đạt đượckết quả tốt nhất. |
| **Giao tiếp và hợp tác** | Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng;sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. |

* + - 1. *Dạy học khám phá*
1. *Khái niệm*

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới thông qua các hoạt động dưới định hướng của giáo viên.

Dạy học khám phá có một số đặc điểm sau:

* HS phát triển quá trình tư duy liên quan đến việc khám phá và tìm hiểu thông qua quá trình quan sát, phân loại, đánh giá, tiên đoán, mô tả và suy luận.
* GV sử dụng PPDH đặc trưng hỗ trợ quá trình khám phá và tìm hiểu của HS;
* Giáo trình giảng dạy hay sách không phải là nguồn thông tin, kiến thức duy nhất cho HS;
* Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là khẳng định cuối cùng;
* HS phải lập kế hoạch, tiến hành và đánh giá quá trình học của mình với sự hỗ trợ của GV.
1. *Cách tiến hành*

Tiến trình dạy học khám phá gồm hai giai đoạn cơ bản.

### Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Trong bước này, GV cần thực hiện các công việc chủ yếu:

* Xác định mục đích về PC, NL cần hình thành ở người học qua các hoạt động học.
* Xác định vấn đề cần khám phá. Vấn đề được khám phá thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần vừa sức với HS.
* Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá các giả thuyết trong quá trình HS tham gia hoạt động học tập khám phá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc thí nghiệm, các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.
* Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.
* Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá. GV có thể tổ chức hợp tác giữa các nhóm để thống nhất về nội dung kiến thức của vấn đề, tổ chức hoạt động cho mỗi thành viên tự đánh giá, tự điều chỉnh rút ra tri thức khoa học.

Chuẩn bị phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ, thí nghiệm… như là phương tiện hướng dẫn hoạt động khám phá.

### Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.** GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

### Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Sau đó HS tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động thí nghiệm, khảo sát và xử lí các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ…Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các các giả thuyết được đưa ra.

### Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

1. *Điều kiện sử dụng*

Để đạt được hiệu quả cao khi áp dụng dạy học khám phá, GV cần lưu ý các điều kiện như

sau:

* Đa số HS phải có những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động khám

phá do GV tổ chức.

* GV cần hiểu rõ khả năng khám phá của HS. Từ đó có sự hướng dẫn trong mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo cho HS phải hiểu chính xác các em phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá.

Dạy học khám phá có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

*Bảng 1.5. Bảng mô tả ưu thế của dạy học khám phá với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PC** | **Chăm chỉ** | Chủ động thực hiện nhiệm vụ thu thập các dữ liệu đểkhám phá vấn đề |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trung thực** | Có ý thức báo cáo các kết quả đã thu thập chính xác, khách quan để chứng minh hoặc phủ nhận giả thuyết đãđặt ra |
| **Trách nhiệm** | Tự giác hoàn thành công việc thu thập các dữ liệu mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhómđể hoàn thành nhiệm vụ |
| **NL chung** | **Tự chủ và tự học** | Tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm,tự quyết định cách thức thu thập dữ liệu, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ |
| **Giải quyết****vấn đề và sáng tạo** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thu thập dữ liệu, cáchthức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm đạt được kết quả tốt nhất. |

* + - 1. *Dạy học giải quyết vấn đề*
1. *Khái niệm*

Dạy học giải quyết vấn đề là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề mà bản thân học sinh chưa biết cách thức, phương tiện cần phải nỗ lực tư duy để giải quyết vấn đề.

Dạy học giải quyết vấn đề có các đặc điểm sau:

* HS được đặt vào tình huống có vấn đề chứ không phải được thông báo dưới dạng tri thức có sẵn. Vấn đề được đưa ra giải quyết cần vừa sức và gợi được nhu cầu nhận thức ở HS.
* HS không những được học nội dung học tập mà còn được học con đường và cách thức tiến hành dẫn đến kết quả đó. Nói cách khác, HS được học cách phát hiện và giải quyết vấn đề.
1. *Cách tiến hành*

Cách thức tiến hành theo các bước cụ thể như sau:

### Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

### Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

### Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

### Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kĩ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kĩ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1. *Điều kiện sử dụng*

Dạy học giải quyết vấn đề có thể phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HS sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Để có thể áp dụng dạy học giải quyết vấn đề, GV cần lưu ý:

* GV cần tạo ra tình huống có vấn đề phù hợp, thu hút HS vào quá trình tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, không phải nội dung dạy học nào cũng có thể phù hợp để xây dựng thành tình huống có vấn đề cho HS.
* Nếu giải quyết vấn đề được sử dụng cho các nhóm, vấn đề cần đủ phức tạp để đảm bảo rằng tất cả các HS là thành viên trong nhóm đều phải làm việc cùng nhau để giải quyết.
* Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo PPDH giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có thời gian phù hợp.
* Trong một số trường hợp, cần có thiết bị dạy học và các điều kiện phù hợp để thực hiện hiệu quả phương pháp giải quyết vấn đề, ví dụ các dụng cụ để làm thí nghiệm, các phương tiện tra cứu, khảo sát và thu thập thông tin…

Dạy học giải quyết vấn đề có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

*Bảng 1.6. Bảng mô tả ưu thế của dạy học giải quyết vấn đề với việc hình thành các PC chủ yếu và NL chung của HS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PC** | **Chăm chỉ** | Chủ động lập và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề |
| **Trách nhiệm** | Tự giác đề xuất giả thuyết và lập kế hoạch để giải quyếtvấn đề theo giả thuyết đã đặt ra. |
| **NL****chung** | **Tự chủ và tự học** | Tự quyết định cách thức giải quyết vấn đề, tự đánh giá về quá trình và kết quả giải quyết vấn đề. |
| **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạokhi giải quyết vấn đề nhằm đạt được kết quả tốt nhất. |

* + - 1. *Dạy học dựa trên dự án*
1. *Khái niệm*

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Dạy học dựa trên dự án có các đặc điểm sau:

* Định hướng thực tiễn: chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống. Nhiệm vụ của dự án cần chứa đựng

những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của người học. Các dự án học tập có ý nghĩa thực tiễn xã hội, góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lí tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

* Định hướng hứng thú người học: Người học được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của người học cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.
* Mang tính phức hợp, liên môn: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc nhiều môn học khác nhau nhằm giải quyết một nhiệm vụ, vấn đề mang tính phức hợp.
* Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lí thuyết cũng như rèn luyện kĩ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.
* Tính tự lực của người học: Trong dạy học theo dự án, người học cần tham gia tích cực, tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên, mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của người học và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.
* Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học theo dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kĩ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa HS và GV cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án.
* Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra không chỉ giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau với các quy mô khác nhau.
1. *Cách tiến hành*

Dạy học dựa trên dự án cần được tiến hành theo ba giai đoạn:

### Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

* **Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án**: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.
* **Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án:** GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.
* **Lập kế hoạch thực hiện dự án:** GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí,

thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

### Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin. Các nhóm thường xuyên cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu. GV cũng cần tạo điều kiện cho việc làm chủ hoạt động học tập của HS và nhóm HS, quan tâm đến phương pháp học của HS… và khuyến khích HS tạo ra một sản phẩm cụ thể, có chất lượng.

### Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

1. *Điều kiện sử dụng*

Để có thể áp dụng dạy học dựa trên dự án, GV cần lưu ý một số điểm như sau:

* Dạy học dựa trên dự án chỉ phù hợp để dạy học những nội dung gần gũi với thực tiễn cuộc sống, có nhiều nội dung thực hành. Các nội dung mang tính khoa học, lí thuyết thuần túy sẽ khó triển khai bằng dạy học dựa trên dự án.
* Dạy học dựa trên dự án đòi hỏi thời gian phù hợp. Tùy quy mô dự án, thời gian có thể kéo dài trong khoảng vài tiết học, tuần học… Vì thế, GV cần khéo léo sắp xếp khi xây dựng kế hoạch năm học trong bộ môn và nhà trường.

Dạy học dựa trên dự án có ưu thế hình thành các PC chủ yếu và các NL chung như sau:

*Bảng 1.7. Bảng mô tả ưu thế của dạy học dựa trên dự án với việc hình thành các PC chủ yếu và NL*

*chung của HS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PC** | **Chăm chỉ** | Thường xuyên thực hiện và theo dõi việc thực hiện cácnhiệm vụ được phân công trong dự án. |
| **Trung thực** | Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan kết quả dự ánđã thực hiện được. |
| **Trách nhiệm** | Có ý thức hoàn thành công việc mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm để hoàn thànhdự án. |
| **NL chung** | **Tự chủ và tự học** | Tự lựa chọn đề tài dự án, tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, tự quyết định cách thức thực hiện dự án, tự đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện dựán. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Giải quyết vấn đề và sáng****tạo** | Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thực hiện dự án, cách thức xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo nhằm đạt được kết quả tốt nhất. |
| **Giao tiếp và hợp tác** | Tăng cường sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện dự án. |

* + - 1. *Kĩ thuật dạy học*

KTDH là những biện pháp, cách thức hành động của GV trong các tình huống cụ thể nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH. Ví dụ, trong dạy học hợp tác có các KTDH như: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép,...

Các KTDH tích cực có ý nghĩa đặc biệt trong việc khuyến khích sự tham gia của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sáng tạo và cộng tác làm việc của HS. Đây cũng chính là “công cụ” quan trọng góp phần phát triển PC, NL của HS. Một số KTDH tích cực có thể được áp dụng thuận lợi trong làm việc nhóm, tuy nhiên chúng cũng có thể được kết hợp thực hiện trong các hình thức dạy học toàn lớp. Có những KTDH sử dụng được ở các môn học, HĐGD khác nhau nhưng cũng có những KTDH sử dụng như KTDH đặc thù của môn học cụ thể. Điều này cho thấy, ngoài việc đầu tư lựa chọn PPDH, GV cũng cần quan tâm đến việc lựa chọn KTDH với các tiêu chí nhất định. Tuy nhiên, như đã nói, giữa PPDH và KTDH có mối quan hệ mật thiết, do đó việc lựa chọn PPDH hay KTDH không thể tách rời, có thể bắt đầu từ việc lựa chọn PPDH với hàng loạt KTDH có thể thực hiện trong PPDH đó rồi tiếp tục với việc lựa chọn các KTDH phù hợp trong từng tình huống nhất định.